

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng  
khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước  
của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 25/11/2020;*

*Xét nội dung báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 67/BQL-KTTĐ ngày 02/02/2021 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 273/TTr-STNMT ngày 12/4/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn (chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND xã Phước Thuận theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này. Đối với nội dung liên quan đến các nhà thầu, Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm cụ thể các cam kết của chủ dự án tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường này vào các hợp đồng thi công của nhà thầu; đồng thời có trách nhiệm giám sát và hướng dẫn nhà thầu thi công thực hiện.

3. Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan đến việc khai thác, sử dụng chất nạo vét để làm vật liệu san lấp và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định.

4. Không tiến hành hoạt động nạo vét vào thời điểm các hộ dân lấy nước vào hồ nuôi tôm từ ngày 7-13 và 23-29 âm lịch hàng tháng.

5. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án, bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

6. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Thuận;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN**  
**XÂY DỰNG KÈ, NẠO VÉT LÒNG SÔNG ĐOẠN TRƯỚC KÈ**  
**VÀ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ QUẢNG VÂN,**  
**XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC CỦA BAN QUẢN LÝ**  
**DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
(Kèm theo Quyết định số                     /QĐ-UBND ngày            / /2021 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

1.2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.3. Địa chỉ: số 200 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.4. Địa điểm thực hiện dự án: thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Xây dựng tuyến kè dài 1.097 m ở bờ tả nhánh sông Trường Úc – hệ thống sông Hà Thanh.

- Nạo vét đoạn sông trước kè với diện tích 16,55 ha, trong đó nạo vét thêm sông 7,86 ha; nạo vét lòng sông 8,69 ha với tổng khối lượng nạo vét khoảng 183.857,3 m<sup>3</sup>.

- Bồi thường, giải phóng mặt bằng khoảng 11,50 ha (bao gồm diện tích khu tái định cư, đất hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án và 5,0 ha thuộc phạm vi lòng sông thoát lũ).

- Phương án thi công nạo vét thêm sông: máy đào (từ 0,8 m<sup>3</sup> đến 1,6 m<sup>3</sup>) → ô tô tự đổ 7 - 10 tấn → Khu tái định cư Quảng Vân.

- Phương án thi công nạo vét lòng sông: tàu hút (công suất 585CV) → bơm bằng tuyến ống có đường kính tối đa D200, dài khoảng 600m → bãi tập kết → Khu tái định cư Quảng Vân.

- Thời gian thi công dự án: 12 tháng (từ tháng 4/2021 đến tháng 3/2022).

1.6. Các hạng mục công trình chính của dự án: đĩnh kè, thân kè, chân kè, mặt kè, cống thoát nước.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ giai đoạn thi công xây dựng dự án**

2.1. Các tác động môi trường chính

- Giai đoạn thi công nạo vét: nước thải sinh hoạt, nước thải có lẫn bùn cát nạo vét phát sinh từ bãi tập kết; bùn, cát từ quá trình nạo vét; phát tán chất rắn lơ lửng trong quá trình nạo vét gây đục nguồn nước.

- Giai đoạn thi công, xây dựng kè và giải phóng mặt bằng: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công.

## 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,8 m<sup>3</sup>/ngày; nước thải lẫn bùn, cát khoảng 864 m<sup>3</sup>/ngày.

- Tính chất nước thải: nước thải sinh hoạt, nước thải lẫn bùn, cát có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

## 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: bụi, khí thải phát sinh trong quá trình xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị, chất nạo vét đến nơi đổ thải; tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái khí.

## 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 34,25 kg/ngày; khối lượng chất nạo vét từ quá trình nạo vét thêm sông và lòng sông khoảng 183.857,3 m<sup>3</sup>.

- Tính chất của CTR sinh hoạt, chất nạo vét: có tỷ lệ chất hữu cơ, bùn cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

## 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Chất thải nguy hại gồm các loại vật dụng nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, dầu nhớt thải,... với khối lượng phát sinh khoảng 71 kg/năm.

- Tính chất CTNH: có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn.

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của giai đoạn thi công, xây dựng dự án

### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực bãi tập kết: thường xuyên kiểm tra, nạo vét khơi thông các tuyến thoát nước; thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi, tránh hiện tượng nước mưa cuốn trôi vật liệu xuống sông Hà Thanh.

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động.

- Nước thải lẫn bùn, cát: nước thải phát sinh được dẫn về 02 hồ lắng có tổng diện tích 3.000 m<sup>2</sup> (mỗi hồ có diện tích 1.500 m<sup>2</sup>), có bờ bao xung quanh bằng đất cấp 3, đầm chặt K90, kích thước bờ bao (B=2m, H=1,4m). Trong đó, có bố trí các ống nhựa D200 vuông góc với hồ lắng và có cửa tràn để dẫn nước từ hồ lắng ra sông Hà Thanh.

- Dừng thi công nạo vét vào thời điểm các hộ dân lấy nước vào hồ nuôi tôm từ ngày 7-13 và 23-29 âm lịch hàng tháng.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Đối với bãi tập kết bùn cát: phun chế phẩm vi sinh để giảm thiểu mùi hôi.

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; chở đúng tải trọng cho phép trên từng tuyến đường, có bạt phủ kín không để rơi vãi.

- Hàng ngày tưới ẩm trên đường vận chuyển và những khu vực dễ phát sinh bụi.

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH:

- CTR sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực nghỉ ngơi của công nhân.

- CTNH: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt gần khu vực lán trại (nền chống thấm, có mái che).

- Chất thải nạo vét (bùn, cát): bố trí bãi tập kết có diện tích 5.422 m<sup>2</sup>, có bờ bao xung quanh bằng đất.

Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công, xây dựng.

### 3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thực hiện các giải pháp để giảm tiếng ồn, độ rung của thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung.

### 3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Tiến hành nạo vét trong phạm vi, ranh giới đã được cho phép và không tổ chức thi công nạo vét khi mùa bão.

- Tiến hành quan trắc, đo đạc địa hình đồng thời giám sát chiều sâu nạo vét.

- Cam kết hỗ trợ, đền bù thiệt hại về kinh tế trong trường hợp quá trình thi công nạo vét làm ảnh hưởng đến hộ dân nuôi trồng thủy sản hợp pháp theo đúng quy định.

## **4. Danh mục biện pháp bảo vệ môi trường chính của giai đoạn thi công, xây dựng dự án**

- Thiết bị thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Bãi tập kết chất nạo vét có diện tích 5.422 m<sup>2</sup>.

- 02 hồ lắng có tổng diện tích 3.000 m<sup>2</sup>.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án**

Trong giai đoạn thi công xây dựng Chủ dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

a) Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ Khu vực tiếp giáp với khu dân cư hiện trạng phía Bắc, (tọa độ: 1.528.471; 602.897).

+ Khu vực tiếp giáp với khu dân cư hiện trạng phía Tây, (tọa độ: 1.528.433; 602.480).

- Các chỉ tiêu giám sát: bụi, ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

b) Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát:

Tại đầu tuyến kè (cọc K0- hạ lưu cầu Hà Thanh 7) về phía Tây (tọa độ: 1.528.363; 602.417).

Tại cuối tuyến kè (cọc CT- thượng lưu Cầu Trắng) về phía Đông (tọa độ: 1.528.582; 603.180).

- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

c) Giám sát sạt lở

- Tổ chức giám sát nhằm phát hiện các hiện tượng sạt lở trong quá trình đào đắp, xác định quy mô, mức độ để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Vị trí giám sát: các khu vực đào đắp.